TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI NƯỚC** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 03-01-2024
V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Ngọc Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Diện

2. Ông Võ Tấn Liêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc San - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ngày 03 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 608/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 289/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Đoàn Thanh D**, sinh năm 1974 (Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm H, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Bà **Trương Mỹ T**, sinh năm 1975 (Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm H, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 07/11/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là ông Đoàn Thanh D trình bày*:

Về hôn nhân: Ông và bà Trương Mỹ T tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 1996, không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn mà không thể hàn gắn được. Nay xét thấy hôn

nhân không còn hạnh phúc nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Trương Mỹ T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống ông và bà Trương Mỹ T có hai người con chung tên: Đoàn Minh Nh sinh ngày 13/4/1998 và Đoàn Thị Mỹ L sinh ngày 20/6/2003; hiện các con đã trưởng thành, không mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động để tự nuôi mình nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống ông và bà Trương Mỹ T có tài sản chung nhưng ông và bà T tự thỏa thuận, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ thu, nợ trả: Trong thời gian chung sống ông và bà Trương Mỹ T không có nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng ông bà, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại Biên bản hòa giải ngày 12/12/2023 bị đơn là bà Trương Mỹ T trình bày*:

Về hôn nhân: Bà và ông Đoàn Thanh D tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 1996, không có đăng ký kết hôn như ông D trình bày. Trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp. Nay xét thấy hôn nhân không còn hạnh phúc nên ông D yêu cầu ly hôn với bà, bà đồng ý ly hôn với ông D.

Về con chung: Trong thời gian chung sống bà và ông Đoàn Thanh D có hai người con chung tên: Đoàn Minh Nh sinh ngày 13/4/1998 và Đoàn Thị Mỹ L sinh ngày 20/6/2003; hiện các con đã trưởng thành, không mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động để tự nuôi mình nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống bà và ông Đoàn Thanh D có tài sản chung nhưng bà và ông D tự thỏa thuận, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ thu, nợ trả: Trong thời gian chung sống bà và ông Đoàn Thanh D không có nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng ông bà, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Quan hệ tranh chấp giữa ông Đoàn Thanh D và bà Trương Mỹ T là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc "Xin ly hôn", bị đơn

có nơi cư trú tại khóm H, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng nguyên đơn là ông Đoàn Thanh D và bị đơn là bà Trương Mỹ T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông D và bà T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đoàn Thanh D và bà Trương Mỹ T tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 1996 đến nay chưa đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền.

Trong quá trình chung sống ông D và bà T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn không hàn gắn được nên thống nhất yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận ông bà là vợ chồng. Xét thấy, ông D và bà T tự nguyện thuận tình ly hôn nhưng do ông D và bà T chung sống với nhau từ năm 1996 đến nay không đăng ký kết hôn nên căn cứ Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ hôn nhân của ông D và bà T không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[4] Về con chung: Ông Đoàn Thanh D và bà Trương Mỹ T thống nhất trong thời gian chung sống ông D và bà T có hai người con chung tên: Đoàn Minh Nh sinh ngày 13/4/1998 và Đoàn Thị Mỹ L sinh ngày 20/6/2003; hiện các con đã trưởng thành, không mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động để tự nuôi mình, ông D và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Ông Đoàn Thanh D và bà Trương Mỹ T thống nhất trong thời gian chung sống có tài sản chung nhưng ông D và bà T tự thỏa thuận, ông D và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ thu, nợ trả: Ông Đoàn Thanh D và bà Trương Mỹ T thống nhất trong thời gian chung sống ông D và bà T không có nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng ông bà, ông D và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình;

- Các Điều 14, 51, 53 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Đoàn Thanh D và bà Trương Mỹ T.

2. Về con chung: Ông Đoàn Thanh D và bà Trương Mỹ T thống nhất trong thời gian chung sống có hai người con chung tên: Đoàn Minh Nh sinh ngày 13/4/1998 và Đoàn Thị Mỹ L sinh ngày 20/6/2003; hiện các con đã trưởng thành, không mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động để tự nuôi mình, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung: Ông Đoàn Thanh D và bà Trương Mỹ T thống nhất trong thời gian chung sống có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ thu, nợ trả: Ông Đoàn Thanh D và bà Trương Mỹ T thống nhất trong thời gian chung sống không có nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng ông bà, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông Đoàn Thanh D phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được đối trừ số tiền tạm ứng án phí ông D đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0012506 ngày 07 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ông Đoàn Thanh D và bà Trương Mỹ T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể ngày nhận được Bản án hoặc từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau;
- UBND thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Bùi Ngọc Huyền